

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2022
V/v: “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Phạm Văn Vũ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Văn Tú – Thư ký Tòa án huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày **10** tháng **3** năm **2022** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 284/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn Th**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

(Bà M có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, bản khai cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án bà Huỳnh Thị M trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn Th tự nguyện tìm hiểu và tiến tới sống chung như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung bà và ông Th có 02 con chung tên Huỳnh Thị T, sinh ngày 28/8/1992 và Huỳnh Trung Tr, sinh ngày 28/6/1993. Bà và ông Th phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Hiện nay bà xác định không còn tình cảm với ông Th nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Th là vợ chồng.

- Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2021 ông Huỳnh Văn Th trình bày: Ông thống nhất như bà M trình bày về điều kiện, thời gian ông và bà M sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung ông, bà có 02 con chung như bà M trình bày. Ông không đồng ý ly hôn với bà M, ông cho rằng còn thương vợ mong muốn hàn gắn để lo cho cuộc sống sau này.

- Về con chung: 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Bà Huỳnh Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn Th. Do đó, xét đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Ông Huỳnh Văn Th có nơi cư trú tại xã G, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông Huỳnh Văn Th theo đúng quy định nhưng ông Th vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bà Huỳnh Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu không công nhận bà với ông Huỳnh Văn Th là vợ chồng, không yêu cầu giải quyết về quyền về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông Th trình bày không đồng ý ly hôn với bà M, mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. Không yêu cầu giải quyết về quyền về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị M và ông Huỳnh Văn Th tự nguyện tiến tới sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống bà M và ông Th có 02 người con chung nhưng từ những mâu thuẫn trong cuộc sống mà ông bà đã không tìm cách khắc phục và không có thiện chí bàn bạc, hàn gắn để đoàn tụ. Quá trình giải quyết bà M vẫn cương quyết đòi ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông Th đã đến mức trầm trọng và cả hai ông bà không mong muốn tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/NQ-QH ngày

09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội không công nhận bà Huỳnh Thị M và ông Huỳnh Văn Th là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Bà M và ông Th có 02 con chung tên Huỳnh Thị T, sinh ngày 28/8/1992 và Huỳnh Trung Tr, sinh ngày 28/6/1993. Cả hai ông bà cho rằng các con đã trưởng thành không có yêu cầu nên không đề cập.

2.3 Về tài sản chung: Bà M và ông Th trình bày không có nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Bà M và ông Th trình bày không có nên không xem xét.

2.5 Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà M có nghĩa vụ nộp.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm c Mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/UBTVQH ngày 09/6/2000; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Thị M và ông Huỳnh Văn Th là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà M và ông Th có 02 con chung tên Huỳnh Thị T, sinh ngày 28/8/1992 và Huỳnh Trung Tr, sinh ngày 28/6/1993. Cả hai ông bà cho rằng các con đã trưởng thành, không có yêu cầu nên không đề cập.

[3] Về tài sản chung: Bà M và ông Th trình bày không có nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà M và ông Th trình bày không có nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Huỳnh Thị M phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0002902 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre là đủ.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí